TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/DS-PT
Ngày: 22 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 390/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Kim T, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1962.

Trú tại: Tổ 2, thôn G, xã B, huyện BT, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Kim T, bà Huỳnh Thị H trình bày:

Xuất phát từ quan hệ quen biết nên vào ngày 02/11/2014 vợ chồng ông, bà có cho bà Nguyễn Thị H1 mượn 100.000.000đồng để giải quyết công việc và bà H1 hẹn đến ngày 31/3/2015 sẽ trả. Khi mượn hai bên có viết giấy mượn và không tính lãi. Đến ngày trả nợ bà H1 không trả mà hẹn nhiều lần. Quá trình Tòa án thụ lý giải

quyết thì ngày 20/4/2017 bà H1 đã trả cho vợ chồng ông, bà được 35.000.000đồng. Hiện bị đơn còn nợ vợ chồng ông, bà số tiền là 65.000.000đồng. Việc bà H1 mượn tiền của vợ chồng ông, bà thì ông T1 không biết. Vì vậy ông, bà chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị H1 trả số tiền nợ còn lại là 65.000.000đồng.

Về tiền lãi ông, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả lãi từ ngày 31/3/2015 đến ngày 20/4/2017 tính tiền lãi trên số tiền gốc 100.000.000đồng và Từ ngày 21/4/2017 đến ngày 21/6/2017 trả tiền lãi trên nợ gốc là 65.000.000đồng. Tổng số tiền lãi là 21.559.000đồng. Vợ chồng ông, bà chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ, không yêu cầu ông T1 cùng trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Vào năm 2014 do làm ăn thua lỗ nên bà có mượn của vợ chồng anh T, chị H số tiền 100.000.000đồng và hẹn đến ngày 31/3/2015 sẽ trả dứt điểm. Nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên không trả đúng hẹn. Đến ngày 20/4/2017 đã trả cho vợ chồng anh T, chị H được 35.000.000đồng. Việc bà mượn tiền thì ông Nguyễn T1 không biết và bà không sử dụng khoản tiền này vào mục đích sinh hoạt cho gia đình. Hiện nay còn nợ anh T, chị H 65.000.000đồng nhưng kinh tế đang gặp khó khăn không có tiền trả cho vợ chồng anh T, chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1 trình bày: Việc bà Nguyễn Thị H1 mượn tiền của nguyên đơn thì ông hoàn toàn không biết. Vì vậy ông không có trách nhiệm cùng bà H1 trả nợ cho nguyên đơn.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Kim T, bà Huỳnh Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông Lê Kim T, bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 86.559.000đồng (Tám mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn đồng). Trong đó 65.000.000đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc và 21.559.000đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn đồng) tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 10/7/2017 và ngày 11/9/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 65.000.000đồng và xin không trả tiền lãi.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà H1 thừa nhận có mượn của bà H 100.000.000đồng, quá trình giải quyết vụ án đến ngày 20/4/2017, bà H1 trả cho bà H số tiền 35.000.000đồng, còn nợ 65.000.000đồng. Do bà H1 không trả đúng hẹn nên bà H yêu cầu tính lãi 10% từ ngày vi phạm là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả 65.000.000đồng tiền nợ gốc và tính lãi từ ngày 31/3/2015 đến ngày 20/4/2017 với mức lãi suất 10%/tháng trên số tiền gốc 100.000.000đồng; từ ngày 21/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/tháng trên số tiền nợ gốc 65.000.000đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 xin nguyên đơn chỉ trả 50.000.000đồng tiền gốc và xin tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận ngày 02/11/2014, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có vay của vợ chồng nguyên đơn ông Lê Kim T, bà Huỳnh Thị H số tiền 100.000.000đồng không có lãi, bị đơn có viết "Giấy mượn tiền" và hẹn đến ngày 31/3/2015 sẽ trả. Việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/4/2017 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 35.000.000đồng, còn nợ 65.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả 65.000.000đồng tiền nợ gốc và tính lãi từ ngày 31/3/2015 đến ngày 20/4/2017 với mức lãi suất 10%/tháng trên số tiền gốc 100.000.000đồng; từ ngày 21/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/tháng trên số tiền nợ gốc 65.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà trong khi bà vắng mặt có lý do chính đáng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lý do vắng mặt tại phiên tòa ngày 21/6/2017. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xin nguyên đơn khoản tiền lãi và một phần tiền gốc, đề nghị chỉ trả 50.000.000đồng nữa, nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông Lê Kim T, bà Huỳnh Thị H tổng số tiền 86.559.000đồng (Tám mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn đồng), trong đó 65.000.000đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 21.559.000đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn đồng) tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 4.327.950đồng (Bốn triệu, ba trăm hai mươi bảy ngàn, chín trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H1 đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003805 ngày 04/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

Ông Lê Kim T, bà Huỳnh Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T, bà H 3.132.500đồng (Ba triệu, một trăm ba mươi hai ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0003642 ngày 16/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Mỹ Giang